

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1943 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Nhà Đa năng, Trường THPT Hoàng Hóa IV, huyện Hoàng Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 17/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế công trình xây dựng; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh về việc công bố điều chỉnh giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng, nâng cấp các trường trung học phổ thông năm 2016 để đạt chuẩn quốc gia vào năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2561/SXD-HĐXD ngày 26/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nhà Đa năng, Trường THPT Hoàng Hóa IV, huyện Hoàng Hóa, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Nhà Đa năng, Trường THPT Hoàng Hóa IV, huyện Hoàng Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo.

✓

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho các trường THPT năm 2016 để đạt chuẩn quốc gia vào năm 2017 thuộc lộ trình đầu tư theo Đề án mở rộng, nâng cấp các trường THPT để đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3951/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 5194/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Hoàng Hóa IV.

5. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

6. Quy mô và nội dung đầu tư:

6.1. Nhà đa năng.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, hình chữ nhật kích thước 18,5x33,6m; chiều cao công trình là 11,85m (tính từ cos sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái); cos nền nhà (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,75m;

- Mặt bằng gồm sàn tập đa năng, sân khấu, khu vực nghỉ giải lao, kho dụng cụ, khu thay đồ nam-nữ kết hợp nhà vệ sinh, phòng thiết bị; lối tiếp cận gồm 02 sảnh, sảnh trước kết hợp đường dốc cho người khuyết tật;

- Nền khu vực sàn tập đa năng, khu giải lao cấu tạo gồm các lớp: Lát gỗ công nghiệp dày 12mm, cao su non đệm sàn dày 2mm, bê tông đá 1x2 mác 200# dày 100mm, cát tôn nền đầm chặt K90, đất tự nhiên; nền sảnh, tam cấp lát đá grannit; nền khu thay đồ kết hợp vệ sinh lát gạch chống trơn 250x250mm;

- Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50#, trát trong và ngoài nhà vữa XM mác 75#, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm vữa XM mác 75#; tường, trần lăn sơn trực tiếp; tường khu vệ sinh ốp gạch men kính kích thước 250x400mm cao 2m;

- Cấu tạo mái khu vực sân thi đấu (M) gồm các lớp: lợp tôn mũi dày 0,4mm, xà gồ thép hình, vì kèo thép hình, tấm trần thả thạch cao khung xương thép; cấu tạo mái sảnh (M1) gồm các lớp: Gạch lá nem 300x300mm, sika chống thấm kết hợp lưới chống thấm, sàn BTCT mác 200# đổ tại chỗ, trát trần vữa XM mác 75#; Cấu tạo mái sảnh (MS) gồm các lớp: Láng vữa XM mác 75# dày 20mm tạo dốc về ga thu, sika chống thấm kết hợp lưới chống thấm, sàn BTCT mác 200# đổ tại chỗ, trát trần vữa XM mác 75#;

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường, kính an toàn dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ dùng thép vuông 12x12mm sơn 3 nước

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng băng BTCT đá 1x2 mác 200# kết hợp móng băng móng đá hộc VXM mác 50#; Dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ; Bê tông lót móng đá 4x6 mác 100#.

- Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x300mm và 220x400mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm và 220x400mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

- Phần mái sử dụng hệ kết cấu vì kèo thép hình khẩu độ 15,0m; liên kết với cột bằng bu lông chôn sẵn trong cột; hệ giằng đứng thép d20, giằng ngang (cánh trên, cánh dưới) thép d16.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Hệ thống điện được lấy từ tủ điện chung của trường, kéo vào công trình bằng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x16+1x10)mm² đến tủ điện tổng; cáp nội bộ dùng Cu/XLPE/PVC (2x10)mm²; dây dẫn trong nhà dùng dây Cu/PVC (2x6)mm², (2x2,5)mm² và (2x1,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép ϕ 16 dài 1000mm, dây thu sét thép ϕ 10; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,7m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 40x4mm

d) Giải pháp cấp thoát nước:

- Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước chung trong khu vực, cấp qua bể nước ngầm và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR;

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC;

- Bể nước ngầm, bể tự hoại: Tường bể xây gạch đặc vữa XM mác 75#, trát láng vữa XM mác 75# dày 20mm; đáy bể đổ BTCT tại chỗ đá 1x2 mác 200#, nắp bể dùng tấm đan BTCT đúc sẵn;

- Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra hệ thống rãnh thoát nước xung quanh nhà;

- Xung quanh công trình được thiết kế hệ thống rãnh thoát nước kết hợp hố ga. Tường rãnh, hố ga xây gạch đặc VXM mác 50#, lót móng bê tông đá 4x6 VXM mác 100#, láng đáy rãnh, hố ga VXM mác 75#, tấm đan rãnh, hố ga đổ BTCT đá 1x2 mác 200#.

e) Hệ thống Phòng cháy chữa cháy:

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình gồm: hệ thống chữa cháy tại chỗ và hệ thống chữa cháy bằng nước.

- Hệ thống chữa cháy tại chỗ gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZ4-ABC, bình chữa cháy CO2MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt bên trong nhà; Hệ thống đầu báo cháy, báo khói được lắp đặt trên trần nhà.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước gồm: hộp chữa cháy, họng nước, lăng phun, vòi phun, van khóa, máy bơm, trụ chữa cháy ngoài nhà.

- Bể nước phòng cháy chữa cháy: có kích thước 6,6x6,6x4,35m; mặt bằng bể chia thành 4 ngăn; tường bể, nắp bể, đáy bể đổ BTCT đá 1x2 mác 200#.

6.2. Hạ tầng kỹ thuật:

a) *Phần san nền*: Cao độ san nền cao nhất 5,0m, thấp nhất 4,98m, đảm bảo thoát nước mặt về hướng Tây-Nam của khu đất; khối lượng san nền được tính theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m, vật liệu san nền bằng đất cấp III đầm chặt, chiều cao trung bình của đất đắp là 0,2m.

b) *Phần sân bê tông*: Sân bê tông có tổng diện tích 518,3m²; cấu tạo gồm: lớp bê tông đá 1x2 mác 150# dày 10cm, bê tông đá 4x6 mác 50# dày 10cm, lớp đất san nền đầm chặt, ke co giãn 5x5 bằng giấy dầu tấm nhựa đường; Bó vỉa sân bê tông xây gạch bê tông VXM mác 50# dày 220mm, trát VXM mác 50# dày 1,5cm, lót bê tông đá 4x6 mác 50#.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 2561/SXD-TTTC ngày 26/5/2016)

7. Tổng mức đầu tư: 6.057.485.0000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.740.437.951
- Chi phí Quản lý dự án:	108.771.504
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT:	472.946.687
- Chi phí khác:	339.044.540
- Chi phí dự phòng:	396.284.048

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

8. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016, 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ động

giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

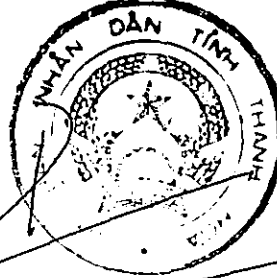
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu:VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

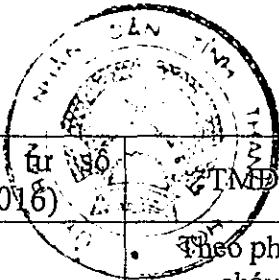
PHỤ LỤC CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Nhà Đa năng, Trường THPT Hoàng Hóa IV, huyện Hoàng Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	(I+II+III+IV+V)	6.057.485.0000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG (G_{xd})		4.740.437.951
1	Phần móng	Theo dự toán	803.011.164
2	Phần thân	Theo dự toán	3.579.615.109
3	Phần PCCC	Theo dự toán	357.811.678
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (G_{qlđ})	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,524\%$	108.771.504
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (G_{tv})		472.946.687
1	Chi phí khảo sát	Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT ngày 10/3/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo	124.771.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,469\%$	164.445.793
3	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,406\%$	19.246.178
4	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT XL.	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,337\%$	15.975.276
5	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,628\%$	124.578.709
6	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư	$G_{qlđ} \times 20\%$	23.929.731
IV	CHI PHÍ KHÁC (G_k)		339.044.540
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	Theo văn bản số 2814/BXD - GD ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng	20.000.000
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	$TMĐT \times 0,019\%$	1.150.922
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP)	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,100\%$	4.309.489
4	Chi phí bảo hiểm công trình (tạm tính tỷ lệ phần trăm)	$0,3\% \times G_{XD}^{trước VAT}$	14.221.314
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016)	$TMĐT \times 0,887\% \times 50\%$	26.864.945



6	Chi phí kiểm toán (Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016)	TMDT x 1,490%	99.215.542
7	Lệ phí thẩm duyệt PCCC	Theo phiếu thu Phòng cháy chữa cháy	7.367.000
8	Chi phí hạng mục chung	Theo dự toán chi tiết	165.915.328
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		396.284.048
1	Dự phòng do khối lượng phát sinh	(I+II+III+IV)x5%	283.060.034
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá (tạm tính tỷ lệ %)	(I+II+III+IV)x2%	113.224.014